

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Hình học và Tô pô

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Thảo

2. Ngày tháng năm sinh: 05/10/1979; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Nga Phượng, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 06, TT5.2 - KĐT Nam 32, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Thị Thảo, Bộ môn Hình học, Khoa Toán - Tin, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Số 136, đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0982494375;

E-mail: nguyenthao@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11,2003 đến tháng, năm 03,2018: Giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ tháng, năm 04,2018 đến tháng, năm 03,2019: Giảng viên chính tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Từ tháng, năm 04,2019 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên chính, Phó chủ tịch Công đoàn Khoa Toán-Tin tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Phó chủ tịch Công đoàn Khoa Toán-Tin; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó chủ tịch Công đoàn Khoa Toán-Tin

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 136, đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547823

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 07 năm 2021, số văn bằng: B321250, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học và Tô pô

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 26 tháng 02 năm 2004, số văn bằng: 1260, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học và Tô pô

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 27 tháng 06 năm 2012, số văn bằng: 001122, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học và Tô pô

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Kì dị của ánh xạ đa thức và ứng dụng

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 2 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 10 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2020-2021 đến năm học 2021-2022.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng; chấp hành nghiêm các quy định của cơ quan và pháp luật của Nhà nước.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và các nhiệm vụ khác được giao.
- Luôn có ý thức tự học tập và tự hoàn thiện bản thân để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ; đáp ứng tốt các tiêu chuẩn của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 8 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018					577.5	45	622.5/809.16/270
2	2018-2019					585	45	630/714.24/259.875
3	2019-2020			2		529	45	638/721.88/229.5
03 năm học cuối								

4	2020-2021			2		405	45	450/542.94/202.5
5	2021-2022					495	45	540/788.94/202.5
6	2022-2023					540	45	585/739.38/217.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: - Ứng viên có thể đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh; cùng các đồng nghiệp viết và công bố 09 bài báo khoa học bằng Tiếng Anh (trong đó, ứng viên là tác giả viết chính và liên hệ gửi bài của 07 bài báo khoa học bằng Tiếng Anh). - Đã tham gia các hội nghị, hội thảo, và các seminar có sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, chẳng hạn như được Hội Toán học Việt Nam cử tham dự tham dự Southeast Asian Women Mathematicians Meeting (SEAWM2) do Hội Toán học Đông Nam Á tổ chức ngày 10 tháng 7 năm 2021. - Đã tham gia báo cáo kết quả nghiên cứu của mình tại các hội nghị sử dụng Tiếng Anh, chẳng hạn như được mời tham gia báo cáo tại The 5th Franco-Japanese-Vietnamese Symposium on Singularities, Kagoshima, Japan, October 27 – November 03, 2017 (trình bày kết quả nghiên cứu “Newton polygon and the number of integer points in some semialgebraic sets” vào ngày 31/10/2017). - Ứng viên làm NCS dưới sự đồng hướng dẫn. Vì vậy, trong quá trình làm nghiên cứu sinh, ứng viên đã sử dụng Tiếng Anh khi liên hệ và trao đổi công việc với người hướng dẫn thứ hai GS. TSKH Casou - Nougess,

Trường Đại học tổng hợp Bordeaux, Cộng hòa Pháp. - Ứng viên đã đáp ứng các tiêu chuẩn về ngoại ngữ của giảng viên Đại học Sư phạm Hà Nội: thi TOEFL IBT đạt 507 điểm năm 2006; tham gia chuyên đề bồi dưỡng năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm (dạy bằng tiếng Anh) cho đội ngũ giảng viên không chuyên tiếng Anh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Certificate of recognition for the successful completion of the courses: “The Investigation of English Language from Communication Perspectives”, “The Application of International Pedagogies into Teaching”, “A-level Introductory”

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thủy		X	X		11/2019 đến 08/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	18/01/2021
2	Lê Thị Huyền		X	X		11/2019 đến 12/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	18/01/2021
3	Nguyễn Thị Kim Anh		X	X		12/2020 đến 10/2021	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	03/11/2021
4	Văn Ngọc Ánh		X	X		12/2020 đến 12/2021	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	30/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---------------------------	--

						... đến trang)	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình Hình học vi phân	GT	NXB Đại học Sư phạm, năm 2016	3	VC	(23-85)	Số 581/GCN-ĐHSPHN ngày 22/06/2023

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Tô pô của ánh xạ đa thức thực nhiều biến	CN	SPHN-09-385 NCS, cấp Cơ sở	26/06/2009 đến 25/12/2010	29/6/2010/Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Kì dị của tập nửa đại số, ánh xạ đa thức và ứng dụng	CN	B2020-SPH-03 CTTH, cấp Bộ	01/01/2020 đến 31/12/2021	21/07/2022/Đạt
3	Ekeland đối với các hàm đa thức Nguyên lí biên phân	CN	SPHN-12-107, cấp Cơ sở	27/04/2012 đến 26/10/2013	20/6/2013/Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI,	Số lần trích dẫn (không	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	-----------------------------------	-------------------------	----------------	--------------------

					Scopus (IF, Qi)	tính tự trích dẫn)		
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Đặc trưng Euler của siêu mặt đại số thực	2	Có	Tạp chí KH & CN, Đại học Thái Nguyên			Tập 2, Số 1 (37), 3-12	04/2006
2	A condition for the properness of polynomial maps	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ISSN: 2305221X, 23052228	Có - Scopus	1	1, 37, 37 (1), 111-123	09/2009
3	Atypical values at infinity of polynomial and rational functions on an algebraic surface in R^n	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ISSN: 02514184	Có - Scopus	4	2, 36, 537-553	10/2011
4	Lojasiewicz inequality for polynomial functions on non-compact domains	3	Có	International Journal of Mathematics/ISSN: 0129-167X, 1793-6519	Có - SCIE <i>IF: 0.583</i> <i>Q2</i>	14	4, 23, 1250033, 28 pages	04/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
5	Remarks on Ekeland's variational principle for polynomial functions	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ISSN: 02514184	Có - Scopus <i>IF: 0.145</i> <i>Q4</i>		2, 37, 231-242	08/2012
6	Global Lojasiewicz-type inequality for non-	4	Có	Journal of Mathematics Analysis and Applications/ISSN:	Có - SCIE <i>IF: 1.120</i> <i>Q1</i>	14	410, 541-560	02/2014

	degenerate polynomial maps			0022247X, 10960813				
7	Sufficient conditions for a real polynomial to be a sum of squares of polynomials	2	Có	Kodai Mathematical Journal/ISSN: 03865991, 18815472	Có - SCIE <i>IF: 0.460</i> <i>Q2</i>	1	39, 253- 275	06/2016
8	Newton polygon and distribution of integer points in sublevel sets	2	Có	Mathematisch Zeitschrift/ISSN: 00255874, 14328232	Có - SCIE <i>IF: 0.964,</i> <i>Q1</i>		295, 1067- 1093	08/2020
9	Łojasiewicz gradient inequalities for polynomial functions and some applications	2	Có	Journal of Mathematics Analysis and Application/ISSN: 0022247X, 10960813	Có - SCIE <i>IF: 1.417</i> <i>Q1</i>		509, 125950, 37 pages	05/2022
10	Integrability at infinity of negative powers of polynomials in the plane and its application to convergence of Dirichlet series	2	Có	Studia Mathematica/ISSN: 0039-3223, 1730- 6337	Có - SCIE <i>IF: 0.914</i> <i>Q1</i>		1, 266, 55-79	09/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 6 ([5] [6] [7] [8] [9] [10])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Thành phố Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm
2023**

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**